HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 1547423 - 07/26-JCVHC-GO-S

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN BEEFOOD

Địa chỉ	:	Số 12 Nguyễn Văn Ngọc, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội
Mã số thuế	:	0109826919
Điện thoại	:	0818.081.988
Đại diện	:	Ông PHÙNG VĂN DU
Chức vụ	:	Giám đốc

Và

BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ	:	Thôn Đồng Tiến, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ
Mã số thuế	:	2500175548
Điện thoại	:	02113 866 170 Fax: 02113 866 182
Đại diện	:	Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Chức Vụ	:	Quyền Trưởng ngành Thực Phẩm

*Bên Bán và Bên Mua sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**".*

XÉT RẰNG:

A. Bên Bán là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, bán buôn và bán lẻ thực phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn thịt heo, thịt gà, các sản phẩm từ thịt heo và/hoặc thịt gà theo quy định của pháp luật Việt Nam.

B. Bên Mua có nhu cầu mua sản phẩm do Bên Bán sản xuất và cung cấp nhằm thực hiện mục đích sử dụng, kinh doanh của Bên Mua theo quy định của pháp luật Việt Nam.

DO ĐÓ, Các Bên theo đây đồng ý ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa ("**Hợp Đồng**") này để xác lập việc mua bán Hàng Hóa giữa Các Bên. Hợp Đồng được cấu thành bởi các tài liệu với thứ tự ưu tiên áp dụng như sau:

(i) Các quy định tại Hợp Đồng này;

(ii) Các Phụ lục đính kèm và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

(iii) Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.

Các thuật ngữ, diễn giải và cách hiểu của các nội dung trong Hợp Đồng sẽ được hiểu theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA

1.1. Bên Mua đồng ý mua và Bên Bán đồng ý bán Hàng Hóa theo số lượng, chủng loại, quy cách, chất lượng như sau:

Theo Đơn Hàng được Bên Bán xác nhận tại từng thời điểm.

1.2. Số lượng mua hàng tối thiểu: Không áp dụng

ĐIỀU 2: GIÁ

2.1. Giá Hàng Hóa được áp dụng theo Báo Giá của Bên Bán ban hành tại từng thời điểm và có hiệu lực áp dụng cho đến khi có Báo giá mới. Trường hợp Bên Bán điều chỉnh giá Hàng Hóa, Bên Bán phải thông báo cho Bên Mua trước ít nhất 01 (một) ngày.

2.2. Giá Hàng Hóa: đã bao gồm hoặc chưa bao gồm chi phí

2.3. Thời hạn áp dụng giá tối thiểu: Không áp dụng

ĐIỀU 3: ĐẶT HÀNG

3.1. Phương thức đặt hàng: Văn bản/Email/Điện thoại/Tin nhắn SMS/Tin nhắn Zalo/Điền phương thức cụ thể khác (nếu có)

3.2. Thời gian đặt hàng của Bên Mua: Trước 08 giờ hàng ngày

3.3. Thời hạn xác nhận của Bên Bán: Trước 14 giờ hàng ngày

ĐIỀU 4: GIAO NHẬN HÀNG HÓA

4.1. Thời gian giao hàng: Theo Đơn Hàng

4.2. Địa điểm giao hàng: Theo Đơn Hàng

4.3. Chứng Từ Giao Nhận: Phiếu giao hàng

4.4. Dung sai cho phép: Không áp dụng.

4.5. Hạn sử dụng còn lại tối thiểu của Hàng Hóa: Không áp dụng

4.6. Trách nhiệm vận chuyển và bốc xếp Hàng Hóa: Bên Bán hoặc Bên Mua tùy theo thỏa thuận.

4.7. Chi phí vận chuyển và bốc xếp Hàng Hóa: Bên Bán hoặc Bên Mua tùy theo thỏa thuận.

ĐIỀU 5: KHIẾU NẠI CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

5.1. Thời hạn khiếu nại về chất lượng Hàng Hóa của Bên Mua: tại thời điểm giao nhận hang hóa

5.2. Các khiếu nại hợp lệ:

- Tài xế giao hàng không tuân thủ điều kiện bảo quản;
- Hàng hoá nặng mùi, bị hư hỏng thể hiện rõ qua cảm quan;
- Hư hỏng bao bì;
- Thiếu hay vượt trọng lượng +/-10% so với Đơn Hàng đã xác nhận;
- Hao hụt cao bất thường;
- Giao sai mã.

5.3. Phương thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của Bên Bán: Trong 24h kể từ lúc nhận

ĐIỀU 6: THANH TOÁN

6.1. Cách thức thanh toán: Thanh toán 100% giá trị của đơn hàng theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

Số tài khoản: 22VP00014759

Tên ngân hàng: Vietinbank

6.2. Thời hạn thanh toán: trước khi nhận hàng

6.3. Hạn mức công nợ: Không áp dụng

6.4. Quy trình đối chiếu công nợ: Không áp dụng

6.5. Thông tin xuất hóa đơn: xuất hóa đơn theo thông tin bên mua cung cấp tại thời điểm mở code khách hàng mới

ĐIỀU 7: PHẠT VI PHẠM

Được áp dụng theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Chung

THÔNG TIN LIÊN HỆ

	Bên Mua	**Bên Bán**
Họ và tên	Ông PHÙNG VĂN DU	Bà BÙI THỊ LUYẾN
Chức danh	Giám đốc	Giám đốc kinh doanh khu vực miền Bắc
Email	Beefood.jsc@gmail.com	luyen.bui@japfa.com
Điện thoại	0818.081.988	0988.647.188

Địa chỉ nhận thư	Số 12 Nguyễn Văn Ngọc, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	Thôn Đồng Tiến, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

9.1 Ngày Hiệu Lực: Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2026 và chấm dứt hiệu lực vào ngày 31/12/2026

9.2 Mọi sự thay đổi, bổ sung cho Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản và có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của Các Bên thì mới có giá trị thi hành.

9.3 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này. Hợp Đồng này được lập thành 02 bản bằng Tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có trách nhiệm thực hiện.

BÊN MUA

M.S.D.N: 0109826919 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BEEFOOD
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Phùng Văn Du

Bên Mua xác nhận đã đọc, đã hiểu và tự nguyện đồng ý với toàn bộ nội dung Điều Khoản Và Điều Kiện Chung_Go-Direct_TT/Horeca Cust_20.03.2026 đính kèm Hợp Đồng và cam kết thực hiện.

BÊN BÁN

M.S.D.N: 2500175548 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
X. BÌNH NGUYÊN - T. PHÚ THỌ

QUYỀN TRƯỞNG NGHÀNH THỰC PHẨM

Nguyễn Thị Phương Thảo

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH VĨNH PHÚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2500175548

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 06 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 23, ngày 05 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: JAPFA LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

., Thị Trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại: *02113 866 170* Fax: *02113 866 182*

Email: *secretary@japfa.com* Website: *www.japfavietnam.com*

3. Vốn điều lệ 4.633.549.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn sáu trăm ba mươi ba tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu đồng

Tương đương số tiền: 207.450.000,000 USD (bằng chữ: Hai trăm linh bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn Đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY JAPFA VIETNAM INVESTMENTS PTE LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *201206845K*

Ngày cấp: *20/03/2012* Nơi cấp: *Cơ quan Kế toán và quản lý doanh nghiệp (ACRA)*

Địa chỉ trụ sở chính: *391B, Orchard Road #18-08 Ngee Ann City, Singapore (238874), Singapore*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG PHAN TẤN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: *12/06/1946* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024046002792*

Ngày cấp: *02/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 15, Hàng Bè, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 15, Hàng Bè, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Cô Thị Hoàng Yến

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT PHÚ THỌ
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Số: 624/QĐ-CCCN&TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-SNN ngày 29/6/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Thọ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Biên bản đánh giá của Đoàn đánh giá kiện an toàn dịch bệnh động vật thành lập theo quyết định số 540/QĐ-CCCN&TY ngày 21/9/2021 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh:

Tên cơ sở: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.

Địa chỉ: Xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bệnh được chứng nhận an toàn: Cúm gia cầm, Newcastle và Gumboro.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 (năm) năm kể từ ngày 01/12/2021.

Điều 2. Cơ sở chăn nuôi được cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm duy trì các điều kiện về an toàn dịch bệnh theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Giao Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Tân Sơn tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra cơ sở được cấp chứng nhận an toàn dịch bệnh theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Thú y, Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Tân Sơn, cơ sở chăn nuôi tại Điều 1 căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, TY.

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Nguyễn Tất Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y TỈNH PHÚ THỌ

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: **Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ**

Địa chỉ: Xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh: Cúm gia cầm, Newcastle và Gumboro.

Phú Thọ, ngày 04 tháng 11 năm 2021

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Nguyễn Tất Thành

Số: 013.02/CNTY-ATDB
Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày 01 tháng 12 năm 2026

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VĨNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: Trại gà giống bố mẹ Đạo Trù - Công ty TNHH Tapza Comzeed Việt Nam

Địa chỉ: Thôn Phân Lân Thượng - Xã Đạo Trù - Huyện Tam Đảo - Tỉnh Vĩnh Phúc

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh: Cúm gia cầm H5N1, Newcastle, Gumboro

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số: 03 /TY-ATDB

Giấy chứng nhận này có giá trị đến 25/3/2027

P. CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

P. CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hiệp Khôi

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VĨNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: Trại gà giống bố mẹ Yên Dương - Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

Địa chỉ: Thôn Đồng Mới - Xã Yên Dương - Huyện Tam Đảo - Tỉnh Vĩnh Phúc

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh: Cúm gia cầm H5N1, Newcastle, Gumboro

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2022

KT. CHI CỤC TRƯỞNG

Số: 04 /TY-ATDB

Giấy chứng nhận này có giá trị đến 25/3/2027

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VĨNH PHÚC
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

P. CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hiệp Khôi

GS1 Vietnam

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG
MÃ SỐ MÃ VẠCH

Tổ chức Mã số Mã vạch Việt Nam

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (024) 38361463 / (024) 37914946
Fax: (024) 37562444 / (024) 38361771
Email: info@gs1vn.org.vn
Website: www.gs1vn.org.vn

GS1 Vietnam

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Based on the Decision No 45/2002/QĐ-TTg dated 27/03/2002 of the Prime Minister and Decision No 15/2006/QĐ-BKHCN dated 23/08/2006 of the Ministry of Science and Technology issued the Regulation of allocating, using and managing number and barcode,

CERTIFYING

JAPFA COMFEED VIETNAM CO., LTD

Address: **Huong Canh Town, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province**

to have right of using the following article number:

893 8518265

for the products/services/locations.

Hanoi, 06 / 11 / 2017

PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR GENERAL

Nguyen Nam Hai

Registered No: B031242
Reference No: 3942/2017

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/08/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch,

CHỨNG NHẬN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ: **Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**

được quyền sử dụng mã số sau đây:

893 8518265

cho các sản phẩm/ dịch vụ/ địa điểm của mình.

Hà Nội, 06 / 11 / 2017

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Nam Hải

Số đăng ký: B031242
Số vào sổ: 3942/2017

GS1 vietnam

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY (STAMEQ)

VIETNAM CERTIFICATION CENTRE (QUACERT)

ENSURE YOUR SUCCESS

CERTIFICATE

This is to certify that the Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP) of:

JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Address: Huong Canh town, Binh Xuyen district, Vinh Phuc province, Vietnam

Applicable venue: Hop Chau Factory at Hop Thanh residential group, Hop Chau town, Tam Dao district, Vinh Phuc province, Vietnam

has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard

TCVN 5603:2023

Certification Scope:	**Chicken slaughter and cutting**
Certificate Number:	**HA 425/2.24.03**
The validity of this Certificate:	**From 05 March 2024 to 04 March 2027**
Original Certification:	**05 March 2018**

HACCP

DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Tran Quoc Dung

QUACERT - 8 Hoang Quoc Viet, Nghia Do Ward, Cau Giay Dist, Ha Noi, Viet Nam
The validity of this certificate can be checked at website: **www.quacert.gov.vn**

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) của:

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa điểm áp dụng: Nhà máy Giết mổ gia cầm Hợp Châu tại Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 5603:2023

Phạm vi được chứng nhận:	**Giết mổ và pha lóc thịt gà**
Số Giấy chứng nhận:	**HA 425/2.24.03**
Hiệu lực Giấy chứng nhận:	**Từ ngày 05/03/2024 đến ngày 04/03/2027**
Ngày chứng nhận lần đầu:	**05/03/2018**

HACCP

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Trần Quốc Dũng

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY (STAMEQ)

VIETNAM CERTIFICATION CENTRE (QUACERT)

ENSURE YOUR SUCCESS

CERTIFICATE

This is to certify that the Good Manufacturing Practices (GMP) System of

JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Address: Huong Canh town, Binh Xuyen district, Vinh Phuc province, Vietnam

Applicable venue: Hop Chau Factory at Hop Thanh residential group, Hop Chau town, Tam Dao district, Vinh Phuc province, Vietnam

has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard

TCVN 5603:2023

Certification Scope:	**Chicken slaughter and cutting**
Certificate Number:	**GM 074/2.24.03**
The validity of this Certificate:	**From 05 March 2024 to 04 March 2027**
Original Certification:	**05 March 2018**

GMP

DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Tran Quoc Dung

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Thực hành Sản xuất tốt (GMP) của

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Địa điểm áp dụng: Nhà máy Giết mổ gia cầm Hợp Châu tại Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 5603:2023

Phạm vi được chứng nhận:	**Giết mổ và pha lóc thịt gà**
Số Giấy chứng nhận:	**GM 074/2.24.03**
Hiệu lực Giấy chứng nhận:	**Từ ngày 05/03/2024 đến ngày 04/03/2027**
Ngày chứng nhận lần đầu:	**05/03/2018**

GMP

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Trần Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Chứng nhận Quy trình thực hành chăn nuôi tốt/
Certify that the Good Animal Husbandry Practices Procedure
Của/ Of

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM

JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ/ *Address*

Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam;
Huong Canh Town, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam

Địa điểm nuôi chăn nuôi/ *Manufacturing location:*
Theo phụ lục đính kèm
According to the attached appendix

Sản phẩm/ *Products*: Gà trắng thương phẩm /Broiler
Quy mô/ *Scale*: 361.000 (con/lứa)
Sản lượng dự kiến/ *Expected capacity*: 1.805.000 (con/năm)
Điện thoại/ *Telephone*: 02113866170 Email: linh.vudieu@japfa.com

Phù hợp với/To be in conformance with:

QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI GÀ TẠI VIỆT NAM (VietGAHP chăn nuôi gà)

According to Decision No 4653/QĐ-BNN-CN dated 10th November 2015 Of Minister of Agriculture and Rural Development

Được phép sử dụng dấu chứng nhận theo quy định tại V01-10 của VinaCert/
Allowed to use the conformity mark prescribed in the VinaCert's V01-10

Số giấy chứng nhận/ *Certificate No.*: **VietGAHP-CN-22-04-26-0009**
Ngày cấp/ *Issue Date*: 17/09/2024
Ngày hiệu lực/ *Effective Date*: 17/09/2024
Hạn hiệu lực/ *Expiry Date*: 16/09/2026

VietGAHP-CN-22-04 VietGAHP-CN-22-04-26-0009

M.S.D.N: 0102152121 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

ĐẶNG THỊ HƯƠNG
Certification Director

VINACERT CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY
Add: 4th floor, 130 Nguyen Duc Canh Str, Tuong Mai Ward, Hoang Mai Dist, Hanoi, Vietnam; Website: www.vinacert.vn

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 906 /QĐ-QUACERT

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TĐC ngày 01 tháng 07 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT);

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-TĐC ngày 12/2/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Quy định chứng nhận hệ thống;

Căn cứ báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), hệ thống Thực hành Sản xuất tốt (GMP) theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2023 cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, có địa chỉ tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam, với địa điểm áp dụng tại Nhà máy Giết mổ gia cầm Hợp Châu - Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam, trong lĩnh vực hoạt động: Giết mổ và pha lóc thịt gà.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời gian 03 năm kể từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày 04 tháng 03 năm 2027. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam được phép sử dụng Giấy chứng nhận số **HA 425/2.24.03, GM 074/2.24.03** và Dấu chứng nhận của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) cho lĩnh vực hoạt động nêu trên. Quá trình chứng nhận lại sẽ phải được hoàn thành trước ngày 04/03/2027.

Điều 3. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam có trách nhiệm duy trì và cải tiến hệ thống Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), hệ thống Thực hành Sản xuất tốt (GMP) theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2023 và được Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) đánh giá giám sát định kỳ ít nhất 12 tháng/ 1 lần. Ngày của cuộc đánh giá giám sát đầu tiên sau chứng nhận không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định chứng nhận có hiệu lực./.

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Trần Quốc Dũng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, hồ sơ chứng nhận.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 905 /QĐ-QUACERT

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TĐC ngày 01 tháng 07 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT);

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-TĐC ngày 12/2/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Quy định chứng nhận hệ thống;

Căn cứ báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn TCVN ISO 22000:2018/ ISO 22000:2018 cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, có địa chỉ tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam, với địa điểm áp dụng tại Nhà máy Giết mổ gia cầm Hợp Châu - Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam, trong lĩnh vực hoạt động: Giết mổ và pha lóc thịt gà.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời gian 03 năm kể từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày 04 tháng 03 năm 2027. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam được phép sử dụng Giấy chứng nhận số **HA 426/2.24.CI**, Dấu chứng nhận của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) và Dấu công nhận của JAS-ANZ làm bằng chứng cho việc thừa nhận quốc tế cho lĩnh vực hoạt động nêu trên. Quá trình chứng nhận lại sẽ phải được hoàn thành trước ngày 04/03/2027.

Điều 3. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam có trách nhiệm duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn TCVN ISO 22000:2018/ ISO 22000:2018 và được Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) đánh giá giám sát định kỳ ít nhất 12 tháng/ 1 lần. Ngày của cuộc đánh giá giám sát đầu tiên sau chứng nhận không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định chứng nhận có hiệu lực./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, hồ sơ chứng nhận.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Trần Quốc Dũng

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY (STAMEQ)

VIETNAM CERTIFICATION CENTRE (QUACERT)

ENSURE YOUR SUCCESS

CERTIFICATE

This is to certify that the Food Safety Management System of

JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Address: Huong Canh town, Binh Xuyen district, Vinh Phuc province, Vietnam
Applicable venue: Hop Chau Factory at Hop Thanh residential group, Hop Chau town, Tam Dao district, Vinh Phuc province, Vietnam

has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

Certification Scope:	**Chicken slaughter and cutting**
Certificate Number:	**HA 426/2.24.CI** *Sub-category:* **CI**
The validity of this Certificate:	**From 05 March 2024 to 04 March 2027**
Original Certification:	**05 March 2018**

ENSURE YOUR SUCCESS

DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Tran Quoc Dung

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của:

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Địa điểm áp dụng: Nhà máy Giết mổ gia cầm Hợp Châu tại Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

Phạm vi được chứng nhận:	**Giết mổ và pha lóc thịt gà**
Số Giấy chứng nhận:	**HA 426/2.24.CI** *Mã ngành:* **CI**
Hiệu lực Giấy chứng nhận:	**Từ ngày 05/03/2024 đến ngày 04/03/2027**
Ngày chứng nhận lần đầu:	**05/03/2018**

ENSURE YOUR SUCCESS

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Trần Quốc Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
PRODUCT SELF-ANNOUNCEMENT

Số/*No.*: 01-CBSP/JAPFA/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm
I. Information of organization, individual having product self-announcement

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
Name of organization, individual: JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh – Huyện Bình Xuyên – Tỉnh Vĩnh Phúc
Address: Huong Canh Township – Binh Xuyen District – Vinh Phuc Province

Điện thoại/*Tel*: 02113866170 Fax: 02113866182

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp/*Corporate code*: 2500175548

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/*Certificate for unit meeting food hygiene conditions No.*: 20/2017/NNPTNT-VP

Ngày Cấp: 18/09/2017 Nơi cấp: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Vĩnh Phúc
Issuance date: 18 Sep 2017 *Issuance place: Vinh Phuc Breeding and Veterinary Department*

II. Thông tin về sản phẩm
II. Information of products

STT No.	Tên sản phẩm Name of product		Thành Phần Ingredients		Packing and packing material/ Quy Cách đóng gói và chất lượng bao bì: Polyethylene
	Việt Nam	English	Việt Nam	English	
1	Gà nguyên con	Whole chicken	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	1 - 4 con/túi
2	Bọng 1 (gà bỏ cổ, chân)	Whole Chicken without (feet + head & neck)	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	1 - 4 con/túi
3	Bọng 2 (gà bỏ cổ, chân, cánh)	Whole Chicken without (feet + head & neck + wing)	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	1 - 4 con/túi

4	Đùi góc tư	Thigh with drum/ leg quater	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
5	Đùi tháo khớp	Leg quarter without back bone, have skin	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
6	Ức có xương	Whole Breast With Bone	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
7	Xương sống	Back bone	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
8	Đầu và cổ	Head and Neck	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
9	Đùi tỏi	Drumstick	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
10	Thịt má đùi	Thigh meat	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
11	Ức phile không xương , có da	Breast without Bone	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
12	Ức phile không xương, không da	Breast without (Bone + Skin)	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
13	Đùi tháo khớp không da có xương	Leg quarter without (back bone + skin)	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg – 10kg/túi
14	Gà Chín miếng	9-piece chicken	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg - 10kg/túi
15	Chân	Feet	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg - 10kg/túi
16	Cánh	Wings	Thịt gà tươi	Fresh meat chicken	0,2kg - 10kg/túi
17	Lòng	Intestine	Lòng gà	Intestine	1 - 20kg/túi
18	Nội tạng	Viscera	Nội tạng	Viscera	2 - 10 bộ/ túi
19	Tim gà	Heart	Tim gà tươi	Fresh heart	0,2kg - 10kg/túi
20	Gan gà	Liver	Gan gà tươi	Fresh liver	0,2kg - 10kg/túi
21	Mề gà	Gizzard	Mề gà tươi	Fresh gizzard	0,2kg 10kg/túi
22	Mỡ	Fat	Mỡ gà tươi	Fresh fat	0,2kg - 10kg/túi
23	Xương vụn	Scrap Bone	Xương vụn gà tươi	Fresh scrap Bone	0,2kg - 10kg/túi
24	Thịt vụn	Scrap Meat	Thịt vụn gà tươi	Fresh scrap meat	0,2kg - 10kg/túi
25	Da	Skin	Da gà tươi	Fresh skin	0,2kg - 10kg/túi

- Thời hạn sử dụng sản phẩm/ *Usage duration*: 6 ngày (ở nhiệt độ 0 - 4°C)/ *6 days (at 0 - 4°C)*

- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)/ *Name and address of production unit (in case of hiring a production unit)*: Không/ *No*

III. Mẫu nhãn sản phẩm
III. Product label sample

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm
IV. Requests on food safety

Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
The company manufacture and sell food meeting requests on food safety under:

- "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm" được ban hành theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y Tế; và
- *"Regulation on maximum level of biological and chemical pollution in food" issued along with Decision No. 46/2007/QD-BYT dated 19 December 2007 of the Ministry of Health; and*
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4835:2002 (tương đương với ISO 2917:1999).
- *Vietnam Standard TCVN 4835.2002 (equivalent to ISO 2917:1999).*

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.
We commit to implement in full legal regulations on food safety and will be fully responsible for the legality of announcing documents and food quality, safety of announced products./.

Vĩnh Phúc, ngày 03 tháng 05 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
H.BÌNH XUYÊN - T.VĨNH PHÚC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
SANJEEV KUMAR

Số: 36383/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước sản xuất
2. Mã số mẫu: 05267612/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
   Địa chỉ: Tổ dân phố Kim Phương, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 22/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 500 mL/chai.
   Số lượng: 3. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	*Chỉ tiêu kiểm nghiệm*	*Phương pháp kiểm nghiệm*	*Đơn vị*	*Kết quả*
9.1*	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	< 1
9.2*	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	< 1
9.3*	*Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	< 1
9.4*	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023	CFU/100mL	< 1
9.5*	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	SMEWW 4500-NH_3:2023	mg/L	KPH (LOD: 0,010)
9.6*	Hàm lượng Arsenic	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.7*	Hàm lượng Chì	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.8*	Hàm lượng Clo dư tự do	NIFC.03.M.33 (TCVN 6225-1: 2012)	mg/L	KPH (LOD: 0,10)
9.9*	Hàm lượng Mangan	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,0003)
9.10*	Hàm lượng Nitrat (Hàm lượng Nitrat tính theo N)	NIFC.03.M.22 (IC)	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,23)
9.11*	Hàm lượng Nitrit (Hàm lượng Nitrit tính theo N)	NIFC.03.M.27 (IC)	mg/L	KPH (LOD: 0,001)
9.12*	Hàm lượng Sắt	TCVN 13092:2020	mg/L	0,085
9.13*	Hàm lượng Sulfat	NIFC.03.M.22 (IC)	mg/L	3,85

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.14*	Hàm lượng Thủy ngân	TCVN 13092:2020	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,0005)
9.15*	Permanganat	NIFC.03.M.30 (Ref. TCVN 6186:1996)	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,45)
9.16*	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,55
9.17	Hàm lượng Chloramphenicol	NIFC.04.M.002 (LC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD: 0,03)
9.18	Hàm lượng Clenbuterol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD: 0,03)
9.19	Hàm lượng Salbutamol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD: 0,03)
9.20*	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	< LOQ (LOQ: 0,1)
9.21*	Mùi	SMEWW 2150B:2023	-	Không có mùi lạ
9.22*	pH	TCVN 6492:2011	-	8,11

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD$_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD$_{50}$ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN

VIEN KIEM NGHIEM AN TOAN VE SINH THUC PHAM QUOC GIA

TS. Nguyễn Thành Trung

Số: 36384/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Thit gà
2. Mã số mẫu: 05267612/DV.2
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
   Địa chỉ: Tổ dân phố Kim Phương, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 22/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi hút chân không, 2,2 kg/túi. Nhiệt độ mẫu tại thời điểm nhận là 8 °C. Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có.
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	*Chỉ tiêu kiểm nghiệm*	*Phương pháp kiểm nghiệm*	*Đơn vị*	*Kết quả*
9.1*	*Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/g	< 10
9.3*	*E. coli*	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	< 10
9.4*	*S. aureus*	ISO 6888-1:2021	CFU/g	< 10
9.5*	*Salmonella* spp.	TCVN 10780-1:2017	/25g	Âm tính
9.6*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	< 10
9.7*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.8*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.9*	Hàm lượng Thiếc	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,030)
9.10*	Hàm lượng Thủy ngân	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.11*	Hàm lượng Chloramphenicol	NIFC.04.M.002 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,03)
9.12*	Hàm lượng Chlortetracyclin	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 5,0)

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.13*	Hàm lượng Clenbuterol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,03)
9.14*	Hàm lượng Oxytetracyclin	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 5,0)
9.15*	Hàm lượng Salbutamol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,03)
9.16*	Hàm lượng Tetracyclin	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 5,0)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD$_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD$_{50}$ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN

VIEN KIEM NGHIEM AN TOAN VE SINH THUC PHAM QUOC GIA

TS. Nguyễn Thành Trung

Số: 36383/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước sản xuất
2. Mã số mẫu: 05267612/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
   Địa chỉ: Tổ dân phố Kim Phương, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 22/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 500 mL/chai.
   Số lượng: 3. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	*Chỉ tiêu kiểm nghiệm*	*Phương pháp kiểm nghiệm*	*Đơn vị*	*Kết quả*
9.1*	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	< 1
9.2*	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	< 1
9.3*	*Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	< 1
9.4*	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023	CFU/100mL	< 1
9.5*	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	SMEWW 4500-NH_3:2023	mg/L	KPH (LOD: 0,010)
9.6*	Hàm lượng Arsenic	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.7*	Hàm lượng Chì	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.8*	Hàm lượng Clo dư tự do	NIFC.03.M.33 (TCVN 6225-1: 2012)	mg/L	KPH (LOD: 0,10)
9.9*	Hàm lượng Mangan	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,0003)
9.10*	Hàm lượng Nitrat (Hàm lượng Nitrat tính theo N)	NIFC.03.M.22 (IC)	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,23)
9.11*	Hàm lượng Nitrit (Hàm lượng Nitrit tính theo N)	NIFC.03.M.27 (IC)	mg/L	KPH (LOD: 0,001)
9.12*	Hàm lượng Sắt	TCVN 13092:2020	mg/L	0,085
9.13*	Hàm lượng Sulfat	NIFC.03.M.22 (IC)	mg/L	3,85

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.14*	Hàm lượng Thủy ngân	TCVN 13092:2020	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,0005)
9.15*	Permanganat	NIFC.03.M.30 (Ref. TCVN 6186:1996)	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,45)
9.16*	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,55
9.17	Hàm lượng Chloramphenicol	NIFC.04.M.002 (LC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD: 0,03)
9.18	Hàm lượng Clenbuterol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD: 0,03)
9.19	Hàm lượng Salbutamol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD: 0,03)
9.20*	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	< LOQ (LOQ: 0,1)
9.21*	Mùi	SMEWW 2150B:2023	-	Không có mùi lạ
9.22*	pH	TCVN 6492:2011	-	8,11

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD$_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD$_{50}$ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Nguyễn Thành Trung

Số: 36384/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Thit gà
2. Mã số mẫu: 05267612/DV.2
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
   Địa chỉ: Tổ dân phố Kim Phương, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/05/2026 - 22/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi hút chân không, 2,2 kg/túi. Nhiệt độ mẫu tại thời điểm nhận là 8 °C. Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có.
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	*Chỉ tiêu kiểm nghiệm*	*Phương pháp kiểm nghiệm*	*Đơn vị*	*Kết quả*
9.1*	*Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005	CFU/g	< 10
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/g	< 10
9.3*	*E. coli*	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	< 10
9.4*	*S. aureus*	ISO 6888-1:2021	CFU/g	< 10
9.5*	*Salmonella* spp.	TCVN 10780-1:2017	/25g	Âm tính
9.6*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	< 10
9.7*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.8*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.9*	Hàm lượng Thiếc	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,030)
9.10*	Hàm lượng Thủy ngân	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.11*	Hàm lượng Chloramphenicol	NIFC.04.M.002 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,03)
9.12*	Hàm lượng Chlortetracyclin	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 5,0)

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.13*	Hàm lượng Clenbuterol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,03)
9.14*	Hàm lượng Oxytetracyclin	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 5,0)
9.15*	Hàm lượng Salbutamol	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,03)
9.16*	Hàm lượng Tetracyclin	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 5,0)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (ª) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD$_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD$_{50}$ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Nguyễn Thành Trung

DANH SÁCH XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Đơn vị : Nhà máy GMGC Hợp Châu

Địa chỉ: Thôn Hợp Thành-xã Tam Đảo- tỉnh Phú Thọ

Danh sách dưới đây được đào tạo về kiến thức ATTP

Người đào tạo: Nguyễn Anh Tuấn (Quản lý sản xuất)

STT	Họ tên	Nam	Nữ	Số CCCD(12 số)	Ngày cấp (Ngày/tháng/năm)	Nơi cấp
1	Nguyễn Thị Tuyết		x	026189004037	19/02/2022	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
2	Nguyễn Xuân Tín	x		008091001936	25/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
3	Nông Thị Nga		x	020178001786	25/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
4	Đặng Thị Hà		x	025175000148	13/05/2020	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
5	Bùi Thị Liên		x	017181004073	26/02/2022	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
6	Nguyễn Anh Tuấn	x		024083004996	22/12/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
7	Nguyễn Thị Hướng		x	026179004923	09/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
8	Hà Thị Uyên		x	026180011931	04/09/201	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
9	Lê Văn Mai	x		026088003489	07/09/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
10	Nguyễn Văn Bảy	x		026081005932	24/02/2022	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
11	Trần Thị Hồng		x	026182002517	19/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
12	Lưu Văn Bằng	x		026087--3034	18/12/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
13	Lê Thị Tuyến		x	026017002626	10/05/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
14	Phạm Huy Khôi	x		026092010039	24/06/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
15	Phan Văn Hải	x		026084001447	24/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
16	Nguyễn Thị Bắc		x	026174002200	25/06/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
17	Phùng Thị Nga		x	026176008913	24/06/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
18	Đào Thị Hiền		x	026183003949	18/12/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
19	Lê Thị Hồng		x	026183005182	18/12/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
20	Lê Thị Hồng		x	042179000143	25/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
21	Nguyễn Ngọc Chiến	x		026073001537	02/10/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

STT	Họ tên	Nam	Nữ	Số CCCD(12 số)	Ngày cấp (Ngày/tháng/năm)	Nơi cấp
22	Đào Thị Quyết		x	030173013883	02/10/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
23	Nguyễn Thị Khanh		x	071105696	18/05/2020	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
24	Nguyễn Thị Lý		x	026176004826	10/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
25	Trần Thị Hiền		x	011830446070	02/10/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
26	Nguyễn Thế Long	x		008082000526	05/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
27	Đỗ Thị Thu Hường		x	026178007701	08/12/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
28	Bùi Văn Quyết	x		017088004180	11/08/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
29	Lại Khắc Điền	x		034065017895	11/08/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
30	Nguyễn Văn Ninh	x		026088014008	25/08/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
31	Nguyễn Hữu Lại	x		026081001685	25/06/2022	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
32	Nguyễn Thị Nho		x	26186008686	5/6/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
33	Phạm Thị Luân		x	026181005432	18/12/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
34	Nguyễn Văn Sáng	x		026080001856	25/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
35	Nguyễn Văn Qúi	x		026093008547	25/06/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
36	Lê Thị Hoan		x	026185007695	25/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
37	Nguyễn Văn Hoan	x		026084008841	25/04/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
38	Phùng Quang Sao	x		026071003022	05/01/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
39	Nguyễn Thị Hạnh		x	026186005547	27/06/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
40	Nguyễn Văn Đạt	x		026072001324	03/11/2023	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Hợp Châu, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Người lập	Người đào tạo	Người xác nhận
Trần Thị Thanh Tâm	Nguyễn Anh Tuấn	Người xác nhận

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

NHÀ MÁY THỰC PHẨM SON CHICKEN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SON CHICKEN
Thôn Đài Sơn, Phường Việt Yên
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : X4GD2605310639-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00134686

Tên mẫu / Tên sản phẩm : MẪU NƯỚC
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu : 01/06/2026 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 08/06/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 01/06/2026 - 05/06/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW070 VW (a) *Pseudomonas aeruginosa*	cfu/ 100 ml	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VW069 VW (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ 100 ml	SMEWW 9213B:2023	Không phát hiện (LOD=1)
3	VW033 VW (a) *Coliform*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)
4	VW034 VW (a) *E.Coli*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD144 VD (a) Độ màu	TCU	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD=4)
6	VD307 VD (a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	Phát hiện vết(<0.2)
7	VW04G VW (a) pH		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.70
8	VWWD6 VW (a) Asen	mg/ l	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023	Không phát hiện (LOD=0.001)
9	VD1R0 VD (a) Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/ l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)
10	VW07Y VW (a) Chỉ số Permanganate	mg/ l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)
11	VW04X VW Clo dư tự do	mg/ l	ISO 7393-1:1985	Không phát hiện (LOD=0.1)
12	VWA03 VW Mùi vị		N79-R-RD1-TP-17973 (Tham khảo TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Được quét bằng CamScanner

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG
M.S.D.N: 0311526086-C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 09/06/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/06/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIÁO DỤC VÀ Y TẾ HÀ VÂN

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA YECXANH

221 Phố Vọng – Phường Tương Mai – TP. Hà Nội

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Năm 2025

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
1	1180M 10766	10000718	Đặng Thị Hà	Nữ	13/08/ 1975	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	148	51	73	110/70	23.28	III	Bình thường	5.8	4.55	12.6	86.4	240	5.1					Hồng cầu 250	Bình thường	Bình thường
2	1180M 10767	10001116	Lại Khắc Điền	Nam	25/06/ 1965	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	165	66	90	160/90	24.24	IV	Bình thường	7.0	4.59	15.4	97.9	227	18.4		Âm tính	Âm tính		Glu 300	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Nhân thùy trái tuyến giáp kích thước| : 3 x 2,5 mm (TIRADS III)
3	1180M 10768	10001891	Nguyễn Văn Ninh	Nam	24/09/ 1988	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	160	63	93	120/80	24.61	II	Bình thường	5.5	5.60	16.8	93.9	186	4.3					Bình thường	Bình thường	Bình thường
4	1180M 10769	10004050	Nông Thị Nga	Nữ	17/07/ 1978	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	156	56	70	120/80	23.01	I	Bình thường	8.3	3.99	13.0	99.3	239	4.6		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Cắt bán phần tử cung	Đa nhân hai thùy tuyến giáp (Nhân thùy phải kích thước: 8 x 3,6 mm. Nhân thùy trái kích thước lớn nhất : 11,5 x 9,6 mm) (TIRADS III)
5	1180M 10770	10004920	Bùi Văn Quyết	Nam	05/05/ 1988	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	166	82	80	140/90	29.76	IV	Bình thường	7.8	5.39	15.2	86.4	256	4.5		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Bình thường

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 6/10. MT: 5/10| Hai mắt tật khúc xạ. Lão thị (Có kính: MP: 10/10. MT: 10/10)	Bình thường	Hàm trên: Mất R15| Hàm dưới: Mất R36, 46	Bình thường	Bình thường					IV	Đủ sức khỏe làm việc	Nước tiểu có Hồng cầu niệu: Xét nghiệm kiểm tra lại nước tiểu.|Hai mắt tật khúc xạ/ Lão thị: Khám chuyên khoa mắt định kỳ 6 tháng/lần để dùng kính phù hợp.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 5/10. MT: 5/10| Hai mắt tật khúc xạ/ Lão thị (Có kính: MP: 9/10. MT: 10/10)	Bình thường	Bình thường							IV	Sắp xếp công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe (tránh công việc nặng nhọc, gắng sức, độ cao, ca đêm)	Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|Tăng huyết áp: Ăn giảm mặn, làm Holter huyết áp 24h, khám chuyên khoa tim mạch để được tư vấn điều trị.|Đường máu, đường niệu trước ăn tăng cao, theo dõi tiểu đường: Khám chuyên khoa nội tiết (Thực hiện ngay).|Gan nhiễm mỡ: Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Nhân thủy trái tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt tật khúc xạ/ Lão thị: Khám chuyên khoa mắt định kỳ 6 tháng/lần để dùng kính phù hợp.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Bình thường							II	Đủ sức khỏe làm việc	Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|
Đa nang tuyến vú hai bên (Nang tuyến vú phải kích thước lớn nhất : 7,4 x 3,8 mm. Nang tuyến vú trái kích thước: 5 x 3,1 mm) (BIRADS II)	Bình thường	Tiền sử mổ u xơ cắt bán phần tử cung	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 8/10| Mắt trái rối loạn điều tiết. Hai mắt lão thị	Bình thường	Bình thường	Vết mổ u xơ tử cung cắt bán phần	Bình thường					III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Đa nhân hai thùy tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Đa nang tuyến vú hai bên: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Mắt trái rối loạn điều tiết/ Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
	Bình thường	T1, T2 đều rõ, đang điều trị tăng huyết áp	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Bình thường							IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày.|Tăng huyết áp/ T1, T2 đều rõ, đang điều trị tăng huyết áp: Tiếp tục điều trị theo chuyên khoa Nội, tim mạch.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính			Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
6	1180M10771	10015799	Lưu Văn Bằng	Nam	16/07/1987	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/2025	167	75	80	140/90	26.89	III	Bình thường	9.8	4.89	14.5	93.5	357	6.5		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Hình ảnh gan nhiễm mỡ.	Bình thường
7	1180M10772	10024951	Nguyễn Xuân Tín	Nam	25/04/1991	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/2025	172	84	69	130/80	28.39	IV	Bình thường	6.6	5.02	16.3	96.1	240	4.8		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Sỏi thận trái đường kính : 6,1 mm	Nhân thùy trái tuyến giáp đường kính : 2,7 mm (TIRADS III).
8	1180M10773	10026481	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	25/08/1983	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/2025	158	55	91	120/80	22.03	II	Bình thường	7.2	4.86	15.7	95.9	347	4.7		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường (ĐHC)	Bình thường
9	1180M10774	10026557	Lê Thị Hồng	Nữ	20/02/1983	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/2025	150	49	75	110/70	21.78	III	Theo dõi thiếu máu nhẹ	8.9	3.74	11.5	92.6	230	4.8		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Nang hai thùy tuyến giáp (Nang thùy phải tuyến giáp đường kính: 2,1 mm. Nang thùy trái tuyến giáp đường kính: 2,1 mm)(TIRADS II)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Bình thường							III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân/ Gan nhiễm mỡ: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày. Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Tăng huyết áp: Ăn giảm mặn, hạn chế đồ chiên xào, làm Holter huyết áp 24h để kiểm tra.|Đường máu (sau ăn 1h) tăng trong giới hạn bình thường.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 9/10	Bình thường	Hàm dưới: Mất R46							IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày.|Sỏi thận trái: Uống nhiều nước, siêu âm kiểm tra thận định kỳ hoặc khi có đái máu và đau hố thắt lưng.|Nhân thùy trái tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 9/10	Bình thường	Hàm trên: Mất R23| Tiền sử phẫu thuật kết hợp xương hàm dưới							II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Bình thường	Bình thường	Tiền sử mổ u nang buồng trứng	Mổ ruột thừa năm 2024	Bình thường	MP: 9/10. MT: 10/10	Bình thường	Bình thường	Vết mổ ruột thừa. Vết mổ u nang buồng trứng. Vết mổ đẻ 2 lần	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Phiến đồ trong giới hạn bình thường.	III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Theo dõi thiếu máu nhẹ: Thực hiện chế độ ăn giàu chất sắt (Có nhiều trong rau lá xanh thẫm: rau cải, rau muống...). Bổ sung sắt, acid folic, vitamin B12 và một số vitamin hay khoáng chất khác. Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu sau 03 tháng.|Nang hai thùy tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
10	1180M 10775	10026641	Lê Thị Tuyến	Nữ	06/07/ 1978	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	148	42	90	110/60	19.17	III	Bình thường	9.7	4.70	13.3	85.0	237	8.1		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Nang eo tuyến giáo đường kính : 5,4 mm TIRADS II/ Nang thùy trái tuyến giáp đường kính : 3,8 mm (TIRADS II).
11	1180M 10776	10026642	Phan Văn Hải	Nam	05/05/ 1984	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	165	66	86	140/80	24.24	III	Số lượng bạch cầu tăng	10.5	5.71	16.1	87.7	244	7.3		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Glu 50	Hình ảnh gan nhiễm mỡ.	Bình thường
12	1180M 10777	10026644	Hà Thị Uyên	Nữ	03/02/ 1980	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	153	56	85	130/80	23.92	II	Bình thường	9.8	4.91	13.7	82.1	215	5.4		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Tử cung cắt bán phần	Bình thường
13	1180M 10778	10026646	Lê Văn Mai	Nam	04/05/ 1988	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	164	72	90	130/80	26.77	III	Bình thường	7.4	5.02	16.7	100.0	213	5.6		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Bình thường

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Lão thị	Bình thường	Hàm dưới: Mất R35, 37, 45, 47	Bình thường	Bình thường	Viêm mép sau cổ tử cung. Nang Naboth cổ tử cung	Bình thường	Bình thường	Trên phiến đồ không thấy tế bào bất thường. Viêm không đặc hiệu mức độ nhẹ	IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|Đường máu trước ăn tăng, theo dõi rối loạn dung nạp Glucose: Xét nghiệm kiểm tra lại đường máu lần 2, nếu đường máu còn tăng, khám chuyên khoa nội tiết.|Nang eo tuyến giáp/ Nang thùy trái tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|Bệnh phụ khoa: Điều trị bệnh phụ khoa theo chuyên khoa sản.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 10/10	Bình thường	Hàm dưới: Mất R36. Còn chân R46							IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Tăng huyết áp: Ăn giảm mặn, hạn chế đồ chiên xào, làm Holter huyết áp 24h để kiểm tra.|Số lượng bạch cầu tăng: Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu. Nếu các chỉ số còn bất thường đề nghị khám chuyên khoa huyết học.|Đường máu, đường niệu trước ăn tăng, theo dõi rối loạn dung nạp Glucose: Xét nghiệm kiểm tra lại đường máu, đường niệu lần 2, nếu đường máu còn tăng, khám chuyên khoa nội tiết.|Gan nhiễm mỡ: Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Nang tuyến vú trái đường kính : 4,1 mm (BIRADS II)	Bình thường	Tiền sử mổ u xơ cắt bán phần tử cung	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Mắt lão thị	Bình thường	Bình thường	Vết mổ u xơ tử cung	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Phiến đồ trong giới hạn bình thường.	III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Nang tuyến vú trái: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
	Bình thường	Tiêu hóa: Tiền sử đã nội soi trào ngược dạ dày, đang điều trị	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Bình thường							III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày.|Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|Tiền sử đã nội soi trào ngược dạ dày, đang điều trị: Kiêng chua cay và các chất kích thích.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
14	1180M 10779	10027041	Bùi Thị Liên	Nữ	06/02/ 1981	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	156	54	73	150/80	22.19	IV	Theo dõi hồng cầu nhỏ	7.7	6.20	13.0	64.9	233	7.3		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Hồng cầu 50	Bình thường	Bình thường
15	1180M 10780	10027706	Phạm Huy Khôi	Nam	18/10/ 1992	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	160	48	80	100/60	18.75	II	Bình thường	8.8	4.63	14.4	96.3	257	4.5		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Nang thùy phải tuyến giáp đường kính : 2,1 mm (TIRADS II)
16	1180M 10781	10046657	Nguyễn Thị Hướng	Nữ	07/05/ 1979	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	145	53	88	130/80	25.21	IV	Bình thường	9.4	4.55	15.0	96.0	281	5.9		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Nhân thùy trái tuyến giáp đường kính : 3,4 mm (TIRADS III)
17	1180M 10782	10047499	Phùng Thị Nga	Nữ	19/09/ 1976	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	154	58	89	130/80	24.46	II	Bình thường	7.5	4.64	14.2	91.9	298	5.2		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Bình thường
18	1180M 10783	10057474	Nguyễn Thị Bắc	Nữ	20/08/ 1974	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	141	35	85	130/80	17.60	V	Bình thường	7.7	4.14	13.2	95.6	306	5.4		Âm tính	Âm tính		Bình thường	Bình thường	Bình thường

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10| Hai mắt lão thị	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Đang chu kỳ kinh					IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Tăng huyết áp: Ăn giảm mặn, hạn chế đồ chiên xào, làm Holter huyết áp 24h để kiểm tra.|Theo dõi hồng cầu nhỏ: Thực hiện chế độ ăn giàu chất sắt (Có nhiều trong rau lá xanh thẫm: rau cải, rau muống...). Bổ sung sắt, acid folic, vitamin B12 và một số vitamin hay khoáng chất khác. Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu sau 03 tháng.|Đường máu trước ăn tăng, theo dõi rối loạn dung nạp Glucose: Xét nghiệm kiểm tra lại đường máu lần 2, nếu đường máu còn tăng, khám chuyên khoa nội tiết.|Nước tiểu có Hồng cầu niệu: Xét nghiệm kiểm tra lại nước tiểu.|Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 5/10. MT: 3/10| Hai mắt tật khúc xạ (Có kính: MP: 10/10. MT: 9/10)	Bình thường	Bình thường							II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Nang thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt tật khúc xạ: Khám chuyên khoa mắt định kỳ 6 tháng/lần để dùng kính phù hợp.|
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 8/10. MT: 8/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Lão thị	Bình thường	Bình thường	Vết mổ ruột thừa	Bình thường					IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày.|Nhân thùy trái tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
Nang tuyến vú hai bên (Nang tuyến vú phải kích thước: 9,5 x 5 mm. Nang tuyến vú trái đường kính : 3 mm) (BIRADS II)	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 8/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Lão thị	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Đang chu kỳ kinh					II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Nang tuyến vú hai bên: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10| Hai mắt lão thị	Bình thường	Bình thường	Vết mổ u nang buồng trứng	Bình thường					V	Đủ sức khỏe làm việc	Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
19	1180M 10784	10060765	Đào Ngọc Biên	Nam	22/12/ 1981	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	170	70	80	120/80	24.22	I	Bình thường	7.2	4.58	14.5	94.1	285	4.8		Âm tính	Âm tính		Bình thường	Bình thường	Bình thường
20	1180M 10785	10061948	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	04/01/ 1993	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	150	51	90	110/70	22.67	III	Bình thường	8.8	4.21	12.4	89.1	341	5.9					Bình thường	Bình thường	Nang thùy phải tuyến giáp đường kính : 2,9 mm (TIRADS II)
21	1180M 10786	10064970	Nguyễn Hữu Lại	Nam	29/09/ 1981	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	159	60	60	110/80	23.73	II	Bình thường	6.6	5.00	14.8	87.2	228	4.2		Âm tính	Âm tính		Bình thường	Bình thường	Bình thường
22	1180M 10787	10065611	Trần Thị Hồng	Nữ	26/11/ 1982	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	152	50	70	100/70	21.64	II	Bình thường	8.0	4.83	12.9	89.9	373	4.8		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Sỏi thận phải đường kính : 5,9 mm	Nang thùy phải tuyến giáp đường kính : 2,4 mm (TIRADS II)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
	Hình tim không to, trung thất không rộng. Nốt mờ đỉnh phổi phải trùng với cung sau xương sườn 4 phải. Đề nghị chụp X Quang tim phổi tư thế đỉnh ưỡn làm rõ.	Hô hấp: Tiền sử điều trị viêm phổi năm 2025	Bình thường	Bình thường	MP: 8/10. MT: 5/10| Mắt phải rối loạn điều tiết/ Mắt trái tật khúc xạ (Có kính: MT: 10/10)	Bình thường	Bình thường							III	Đủ sức khỏe làm việc	Xquang: Nốt mờ đỉnh phổi phải trùng với cung sau xương sườn 4 phải: Đề nghị chụp X Quang tim phổi tư thế đỉnh ưỡn làm rõ.|Tiền sử điều trị viêm phổi năm 2025: Khám chuyên khoa hô hấp khi có biểu hiện ho, đau ngực, khạc đờm kéo dài trên 2 tuần.|Mắt phải rối loạn điều tiết/ Mắt trái tật khúc xạ: Khám chuyên khoa mắt định kỳ 6 tháng/lần để dùng kính phù hợp.|
Bình thường	Bình thường	Cơ- Xương- Khớp: Tiền sử gãy xương cánh tay trái	Mổ ruột thừa năm 2023	Bình thường	MP: 3/10. MT: 3/10| Hai mắt tật khúc xạ. Mắt trái lẹo mi dưới (Có kính: MP: 9/10. MT: 10/10)	Bình thường	Bình thường	Vết mổ đẻ 1 lần. Mổ dính tử cung	Bình thường					III	Đủ sức khỏe làm việc	Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|Nang thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt tật khúc xạ/ Mắt trái lẹo mi dưới: Khám chuyên khoa mắt định kỳ 6 tháng/lần để dùng kính phù hợp.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết	Bình thường	Bình thường							II	Đủ sức khỏe làm việc	Hai mắt rối loạn điều tiết: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 10/10| Hai mắt lão thị	Amydal quá phát	Bình thường	Vết mổ đẻ 1 lần	Bình thường					IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Sỏi thận phải: Uống nhiều nước, siêu âm kiểm tra thận định kỳ hoặc khi có đái máu và đau hố thắt lưng.|Nang thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Amydal quá phát: Tránh lạnh, vệ sinh mũi họng hàng ngày, xét chỉ định cắt Amydal nếu viêm tái phát nhiều lần.|Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
23	1180M 10788	10079255	Đào Thị Hiền	Nữ	14/05/ 1983	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	149	53	80	120/80	23.87	III	Số lượng bạch cầu tăng	11.7	4.45	13.0	89.3	270	4.9		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Nang gan phải đường kính : 20,6 mm / Sỏi thận trái đường kính : 5,8 mm	Bình thường
24	1180M 10789	10083104	Nguyễn Ngọc Chiến	Nam	10/03/ 1973	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	151	50	70	130/80	21.93	IV	Số lượng bạch cầu tăng	11.9	5.11	15.9	94.3	238	4.8		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Nhân hai thùy tuyến giáp (Nhân thùy phải đường kính : 2,3 mm. Nhân thùy trái đường kính : 4,1 mm) (TIRADS III)
25	1180M 10790	10083132	Lê Thị Hồng	Nữ	12/03/ 1979	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	148	52	70	110/70	23.74	III	Bình thường	7.2	4.47	12.5	85.3	375	6.1		Âm tính	Âm tính		Glu 100	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Nang thùy phải tuyến giáp đường kính : 2,8 mm (TIRADS II)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Viêm lợi	Bình thường	Bình thường	Viêm quanh lỗ cổ tử cung	Bình thường	Bình thường	Trên phiến đồ loạn dưỡng teo do nội tiết không thấy tế bào bất thường. Viêm không đặc hiệu mức độ nhẹ	IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Số lượng bạch cầu tăng: Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu. Nếu các chỉ số còn bất thường đề nghị khám chuyên khoa huyết học.|Nang gan phải: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Sỏi thận trái: Uống nhiều nước, siêu âm kiểm tra thận định kỳ hoặc khi có đái máu và đau hố thắt lưng.|Viêm lợi: Lấy cao răng và điều trị viêm lợi theo chuyên khoa răng - hàm mặt.|Bệnh phụ khoa: Điều trị bệnh phụ khoa theo chuyên khoa sản.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 8/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Lão thị	Bình thường	Hàm trên: Mất R16							IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Số lượng bạch cầu tăng: Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu. Nếu các chỉ số còn bất thường đề nghị khám chuyên khoa huyết học.|Gan nhiễm mỡ: Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Nhân hai thùy tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Nang tuyến vú phải đường kính : 3,7 mm (BIRADS II)	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 9/10| Hai mắt lão thị	Amydal quá phát	Bình thường	Vết mổ đẻ 2 lần	Đang chu kỳ kinh					III	Đủ sức khỏe làm việc	Nước tiểu có Glu niệu: Xét nghiệm lại nước tiểu lúc đói hoặc sáng sớm.|Gan nhiễm mỡ: Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Nang thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Nang tuyến vú phải: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Amydal quá phát: Tránh lạnh, vệ sinh mũi họng hàng ngày, xét chỉ định cắt Amydal nếu viêm tái phát nhiều lần.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
26	1180M 10791	10084200	Đào Thị Quyết	Nữ	02/05/ 1973	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	151	58	83	100/70	25.44	II	Bình thường	9.8	4.20	12.8	91.2	300	4.9		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Nang hai thùy tuyến giáp (Nang thùy phải tuyến giáp đường kính: 4,6 mm. Nang thùy trái tuyến giáp đường kính: 4,2 mm)(TIRADS II)
27	1180M 10792	10084213	Nguyễn Thị Khanh	Nữ	01/01/ 1969	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	160	66	80	130/80	25.78	II	Bình thường	6.7	4.86	13.9	85.0	284	5.6		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Bình thường
28	1180M 10793	10085091	Trần Thị Hiền	Nữ	14/12/ 1983	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	149	51	69	110/70	22.97	III	Bình thường	5.3	4.35	12.9	90.4	311	4.9		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Đa nhân hai thùy tuyến giáp (Nhân thùy phải đường kính lớn nhất : 4 mm. Nhân thùy trái đường kính lớn nhất : 5,8 mm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
Nang tuyến vú hai bên (Nang tuyến vú phải đường kính: 5,7 mm. Nang tuyến vú trái đường kính: 7,5 mm) (BIRADS II) / Nhân tuyến vú trái đường kính: 7,2 mm (BIRADS III).	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Lão thị	Bình thường	Hàm trên: Mất R16| Hàm dưới: Mất R37	Vết mổ đẻ 2 lần	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Phiến đồ trong giới hạn bình thường.	IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày.|Nang hai thùy tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Nang tuyến vú hai bên/ Nhân tuyến vú trái: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 10/10| Hai mắt lão thị	Bình thường	Hàm dưới: Mất R35	Vết mổ triệt sản	Bình thường					II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân/ Gan nhiễm mỡ: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày. Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Đa nang tuyến vú hai bên (Nang vú phải đường kính lớn nhất : 13,5 mm. Nang vú trái đường kính lớn nhất : 14,5 mm)	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 8/10. MT: 9/10| Hai mắt lão thị. Rối loạn điều tiết	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Nang Naboth cổ tử cung	Bình thường	Bình thường	Trên phiến đồ không thấy tế bào bất thường. Viêm không đặc hiệu mức độ vừa	III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Đa nhân hai thùy tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Đa nang tuyến vú hai bên: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt lão thị/ Rối loạn điều tiết: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh phụ khoa: Điều trị bệnh phụ khoa theo chuyên khoa sản.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
29	1180M 10794	10085094	Nguyễn Thị Lý	Nữ	10/07/ 1976	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	152	54	81	170/120	23.37	IV	Bình thường	7.7	4.58	13.6	91.5	187	4.9		Âm tính	Âm tính		Hồng cầu 250/ Pro 15	Bình thường	Nhân thùy trái tuyến giáp kích thước: 5 x 4,3mm. (TIRADS III)| Nang thùy phải tuyến giáp đường kính : 2,1mm. (TIRADS II)
30	1180M 10795	10085921	Lê Thị Hoan	Nữ	12/08/ 1985	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	163	57	70	110/70	21.45	I	Bình thường	5.0	4.62	13.5	91.0	206	4.7		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Nang thận trái đường kính: 12.5mm.	Bình thường
31	1180M 10796	10086054	Đỗ Thị Thu Hường	Nữ	15/02/ 1978	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	145	49	80	120/70	23.31	IV	Bình thường	6.2	4.06	12.7	96.5	245	5.5		Âm tính	Âm tính		Bình thường	Bình thường	Nang thùy phải tuyến giáp đường kính : 2,8 mm (TIRADS II)
32	1180M 10797	10086056	Nguyễn Thị Nho	Nữ	04/06/ 1986	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	153	49	70	110/80	20.93	II	Bình thường	7.0	4.51	13.3	89.7	275	5.4		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bạch cầu 25	Bình thường	Bình thường
33	1180M 10798	10086058	Phạm Thị Luân	Nữ	15/06/ 1981	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	160	47	80	110/70	18.36	I	Lượng huyết sắc tố giảm	8.4	4.77	11.8	80.8	199	4.7		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Buồng trứng trái đã cắt| Nang thận phải kích thước: 12,4 x 11,9mm.	Bình thường

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
Nang tuyến vú hai bên (Nang tuyến vú phải kích thước: 5,7 x 3,1mm. Nang tuyến vú trái kích thước| lớn nhất: 14,9 x 5,9mm.) (BIRADS II)	Bình thường	Tiêu hóa: Tiền sử nội soi viêm dạ dày, trào ngược dạ dày đã điều trị năm 2010, chưa ổn định	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị	Bình thường	Hàm dưới: Sâu R35,36	Bình thường	Bình thường					IV	Sắp xếp công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe (tránh công việc nặng nhọc, gắng sức, độ cao, ca đêm)	Tăng huyết áp: Ăn giảm mặn, làm Holter huyết áp 24h, khám chuyên khoa tim mạch để được tư vấn điều trị.|Nước tiểu có Hồng cầu niệu, Pro niệu: Uống nhiều nước, ăn giảm mặn, xét nghiệm kiểm tra lại nước tiểu, nếu còn Pro niệu khám chuyên khoa tiết niệu.|Nhân thùy trái tuyến giáp/ Nang thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Nang tuyến vú hai bên: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Tiền sử nội soi viêm dạ dày, trào ngược dạ dày đã điều trị năm 2010, chưa ổn định: Kiêng chua cay và các chất kích thích.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Bình thường	Bình thường	Cơ- Xương- Khớp: Tiền sử gãy 1/3 xương cẳng chân trái năm 1996, trục thẳng, vận động bình thường	Năm 1996 gãy xương chày trái	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Bình thường	Vết mổ đẻ 1 lần. Vết mổ chửa ngoài tử cung	Bình thường					II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Nang thận trái: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|
Nang tuyến vú trái đường kính : 1,9 mm (BIRADS II)	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Đang chu kỳ kinh					IV	Đủ sức khỏe làm việc	Nang thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Nang tuyến vú trái: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
Nang tuyến vú trái kích thước: 8,3 x 4,1mm. (BIRADS II)	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Bình thường	Vết mổ đẻ 2 lần	Bình thường					III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Nước tiểu có Bạch cầu niệu: Xét nghiệm kiểm tra lại nước tiểu.|Nang tuyến vú trái: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|
Bình thường	Bình thường	Tiền sử mổ u nang buồng trứng	Bình thường	Bình thường	MP: 5/10. MT: 6/10| Hai mắt tật khúc xạ. Lão thị (Có kính: MP: 9/10. MT: 10/10)	Bình thường	Bình thường	Vết mổ u nang buồng trứng	Đang chu kỳ kinh					III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Lượng huyết sắc tố giảm: Thực hiện chế độ ăn giàu chất sắt (Có nhiều trong rau lá xanh thẫm: rau cải, rau muống...). Bổ sung sắt, acid folic, vitamin B12 và một số vitamin hay khoáng chất khác.|Nang thận phải: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt tật khúc xạ/ Lão thị: Khám chuyên khoa mắt định kỳ 6 tháng/lần để dùng kính phù hợp.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
34	1180M 10799	10086297	Nguyễn Văn Sáng	Nam	20/06/ 1980	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	165	57	74	130/80	20.94	I	Bình thường	8.7	4.54	14.4	97.0	276	5.1		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Bình thường
35	1180M 10800	10086698	Nguyễn Văn Quí	Nam	22/02/ 1993	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	155	82	105	160/100	34.13	IV	Tiểu cầu giảm	5.8	4.68	15.0	93.4	111	10.3		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Glu 50	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Bình thường
36	1180M 10801	10093452	Nguyễn Văn Hoan	Nam	18/04/ 1984	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	164	61	70	120/80	22.68	I	Bình thường	5.9	5.05	15.9	94.7	252	5.2		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Bình thường

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
	Bình thường	Bình thường	Năm 2021 gãy xương gò má trái	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10| Hai mắt lão thị	Bình thường	Tiền sử phẫu thuật kết hợp xương gò má trái							II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
	Bình thường	Tuần hoàn: T1, T2 đều rõ, đang điều trị tăng huyết áp	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 8/10| Hai mắt rối loạn điều tiết	Bình thường	Hàm dưới: Sâu R42							IV	Sắp xếp công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe (tránh công việc nặng nhọc, gắng sức, độ cao, ca đêm)/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Thừa cân/ Gan nhiễm mỡ: Kiểm soát cân nặng, tăng cường luyện tập thể dục 30 - 45ph/ngày. Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|Tăng huyết áp */ T1, T2 đều rõ, đang điều trị tăng huyết áp: Tiếp tục điều trị theo chuyên khoa Nội, tim mạch.|Tiểu cầu giảm: Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu. Nếu các chỉ số còn bất thường đề nghị khám chuyên khoa huyết học.|Đường máu, đường niệu trước ăn tăng, theo dõi rối loạn dung nạp Glucose: Xét nghiệm kiểm tra lại đường máu, đường niệu lần 2, nếu đường máu còn tăng, khám chuyên khoa nội tiết.|Hai mắt rối loạn điều tiết: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
	Bình thường	Tiêu hóa: Tiền sử viêm đại tràng đã nội soi	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 9/10| Hai mắt lão thị	Bình thường	Bình thường							II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Tiền sử viêm đại tràng đã nội soi: Kiêng chua cay và các chất kích thích.|Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
37	1180M 10802	10093876	Phùng Quang Sao	Nam	14/10/ 1971	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	160	56	76	130/80	21.88	II	Bình thường	7.0	4.96	15.3	92.5	273	4.8		Âm tính	Âm tính		Bình thường	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Nang hai thùy tuyến giáp (Nang thùy phải tuyến giáp đường kính: 2,8 mm. Nang thùy trái tuyến giáp đường kính: 2,3 mm)(TIRADS II)
38	1180M 10803	10094097	Ngô Văn Đạt	Nam	20/01/ 1972	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	168	56	80	130/80	19.84	I	Bình thường	5.7	4.57	14.4	97.3	215	5.5		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Nang gan phải kích thước: 9,7 x 12,6mm.	Bình thường
39	1180M 10804	10100502	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	10/02/ 1986	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	149	54	80	130/80	24.32	III	Bình thường	6.1	4.33	13.2	91.9	296	5.4		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bạch cầu 500	Sỏi thận phải đường kính : 5,6 mm	Bình thường
40	1180M 10805	10106988	Đỗ Thị Chiến	Nữ	10/04/ 1974	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	152	53	70	120/80	22.94	II	Theo dõi thiếu máu nhẹ, hồng cầu nhỏ	6.2	5.02	11.1	69.0	190	5.3		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Nang thùy phải tuyến giáp kích thước: 4,1 x 1,5mm. (TIRADS II)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
	Bình thường	Cơ - xương - khớp: Tiền sử gãy xương quay trái (bó lá), cứng khớp cổ tay trái	Năm 2023 gãy xương quay trái	Bình thường	MP: 10/10. MT: 8/10| Hai mắt lão thị/ Mắt trái rối loạn điều tiết	Thủng màng nhĩ. Viêm xoang	Bình thường							III	Sắp xếp công việc không đòi hỏi sự khéo léo 2 bàn tay.	Gan nhiễm mỡ: Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Nang hai thùy tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt lão thị/ Mắt trái rối loạn điều tiết: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Thủng màng nhĩ/ Viêm xoang: Điều trị theo chuyên khoa tai- mũi- họng, đeo khẩu trang tránh khói bụi, vệ sinh tai, mũi họng hàng ngày.|
	Bình thường	Cơ- Xương- Khớp: Mất 1/2 đốt 3 ngón 2 tay trái	Mất 1/2 đốt 3 ngón 2 tay trái	Bình thường	MP: 9/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Lão thị	Bình thường	Hàm trên: Mất R26							III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Nang gan phải: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Nang tuyến vú phải đường kính : 4,3 mm (BIRADS II)	Bình thường	Bình thường	Mổ ruột thừa năm 2019	Bình thường	MP: 8/10. MT: 9/10| Hai mắt rối loạn điều tiết	Bình thường	Hàm dưới: Sâu R46	Vết mổ ruột thừa	Đang chu kỳ kinh					IV	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Nước tiểu có Bạch cầu niệu: Xét nghiệm kiểm tra lại nước tiểu.|Sỏi thận phải: Uống nhiều nước, siêu âm kiểm tra thận định kỳ hoặc khi có đái máu và đau hố thắt lưng.|Nang tuyến vú phải: Siêu âm kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần.|Hai mắt rối loạn điều tiết: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Bình thường	Bình thường	Thần kinh: Tiền sử hội chứng tiền đình thể vừa	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 9/10| Hai mắt lão thị	Bình thường	Hàm trên: Phục hình R11, 12, 21	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Trên phiến đồ không thấy tế bào bất thường. Viêm không đặc hiệu mức độ nhẹ	III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Theo dõi thiếu máu nhẹ, hồng cầu nhỏ: Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu, định lượng Fe và Ferritin huyết thanh. Thực hiện chế độ ăn giàu chất sắt (Có nhiều trong rau lá xanh thẫm: rau cải, rau muống...). Bổ sung sắt, acid folic, vitamin B12 và một số vitamin hay khoáng chất khác.|Nang thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Tiền sử hội chứng tiền đình thể vừa: Tránh căng thẳng, stress, nghỉ ngơi hợp lý.|Hai mắt lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh phụ khoa: Điều trị bệnh phụ khoa theo chuyên khoa sản.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
41	1180M 10806	10106992	Vũ Văn Thắng	Nam	02/07/ 1984	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	158	54	80	130/80	21.63	II	Số lượng bạch cầu tăng	13.0	4.65	14.2	91.4	302	4.8		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Nhân thùy phải tuyến giáp kích thước: 6,9 x 5,6 mm
42	1180M 10807	10108901	Đào Ngọc Tùng	Nam	09/05/ 2007	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	169	47	100	110/80	16.46	II	Bình thường	8.4	4.71	14.8	94.8	349	5.0		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Bình thường
43	1180M 10808	10109029	Đặng Văn Mậu	Nam	01/01/ 1980	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	168	58	70	110/80	20.55	I	Bình thường	7.7	4.82	14.9	93.4	245	5.1		Âm tính	Âm tính		Bình thường	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Bình thường
44	1180M 10809	10109516	Nguyễn Văn Bảy	Nam	13/06/ 1974	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	164	62	71	130/80	23.05	I	Bình thường	5.7	4.98	15.5	93.3	249	5.2		Âm tính	Âm tính	Hiện tại: Âm tính	Bình thường	Bình thường	Bình thường
45	1180M 10810	10109901	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	03/07/ 1989	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	151	52	80	120/70	22.81	II	Bình thường	5.6	5.01	13.9	86.0	176	4.3					Hồng cầu 250	Bình thường	Nhân thùy phải tuyến giáp kích thước : 6,6 x 4,7 mm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
	Hình tim không to, trung thất không rộng. Nốt vôi hóa nhỏ vùng ngoại vi ngang rốn phổi phải. Theo dõi tổn thương phổi cũ.	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 9/10. MT: 10/10	Bình thường	Hàm dưới: Mất R37							III	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Số lượng bạch cầu tăng: Xét nghiệm kiểm tra lại công thức máu. Nếu các chỉ số còn bất thường đề nghị khám chuyên khoa huyết học.|Nhân thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Xquang: Nốt vôi hóa nhỏ vùng ngoại vi ngang rốn phổi phải. Theo dõi tổn thương phổi cũ: Khám chuyên khoa hô hấp định kỳ hoặc khi có ho, sốt, khạc đờm kéo dài trên 02 tuần.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Hàm trên: Sâu R11, 21							II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh, khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Viêm da cơ địa	MP: 8/10. MT: 8/10| Hai mắt rối loạn điều tiết	Bình thường	Bình thường							II	Đủ sức khỏe làm việc	Gan nhiễm mỡ: Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Viêm da cơ địa: Khám chuyên khoa da liễu để được tư vấn và điều trị.|Hai mắt rối loạn điều tiết: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|
	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 10/10. MT: 10/10	Bình thường	Hàm dưới: Sâu R38							II	Đủ sức khỏe làm việc/ Đủ điều kiện tiếp xúc trực tiếp thực phẩm	Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|
Bình thường	Bình thường	Cơ- Xương- Khớp: Tiền sử vết thương gót chân phải đã phẫu thuật	Năm 2015 vết thương lớn vùng gót phải	Bình thường	MP: 1/10. MT: 1/10| Hai mắt tật khúc xạ (Có kính: MP: 9/10. MT: 10/10)	Bình thường	Bình thường	Vết mổ đẻ 1 lần	Đang chu kỳ kinh					II	Đủ sức khỏe làm việc	Nước tiểu có Hồng cầu niệu: Xét nghiệm kiểm tra lại nước tiểu.|Nhân thùy phải tuyến giáp: Siêu âm kiểm tra và xét nghiệm nội tiết tuyến giáp định kỳ 6 tháng/ lần.|Hai mắt tật khúc xạ: Khám chuyên khoa mắt định kỳ 6 tháng/lần để dùng kính phù hợp.|

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thông tin cá nhân										Chỉ số sinh tồn					PLTL	Công thức máu	WBC (Bạch cầu)	RBC (Hồng cầu)	HGB (Lượng huyết sắc tố)	MCV (Thể tích trung bình hồng cầu)	PLT (Tiểu cầu)	Đường máu	TB (test)	Viêm gan A	Viêm gan E	Soi phân tìm ký sinh trùng	Nước tiểu	Chẩn đoán hình ảnh	
Stt	Code hồ sơ	Mã Code	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bộ phận công tác 1	Bộ phận công tác 2	Địa điểm khám	Ngày khám	Chiều cao	Cân nặng	Mạch	Huyết áp	BMI			4.0 - 10.0 (G/l)	Nam: 4.30 - 5.80| Nữ: 3.90 - 5.40 (T/l)	Nam: 13.5 - 17.5| Nữ: 12.0 - 16.0 (g/dL)	80 - 100 (fL)	150 - 450 (G/L)	3,9 - 6,4 (Sau ăn < 7.8) (mmol/L)	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính		Siêu âm ổ bụng	Siêu âm tuyến giáp
46	1180M 10811	10109957	Nguyễn Thị Long	Nữ	20/05/ 1977	Go Direct JCV	NSH Hop Chau	Nhà máy Hương Canh	29/09/ 2025	140	45	80	90/60	22.96	V	Bình thường	5.4	4.00	12.9	90.6	219	5.6					Bình thường	Hình ảnh gan nhiễm mỡ	Bình thường

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ NĂM 2025 - CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Chẩn đoán hình ảnh		Khám lâm sàng						Khám phụ khoa						Loại sức khỏe	Kết luận	Tư vấn
Siêu âm tuyến vú	Xquang tim phổi thẳng	Nội	Ngoại	Da liễu	Mắt	Tai-Mũi-Họng	Răng-Hàm-Mặt	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn	Khám bộ phận sinh dục ngoài	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung Pap'mear			
Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	MP: 8/10. MT: 8/10| Hai mắt rối loạn điều tiết. Lão thị	Bình thường	Hàm dưới: Sâu R45	Vết mổ đẻ 2 lần	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Phiến đồ trong giới hạn bình thường.	V	Đủ sức khỏe làm việc	Gan nhiễm mỡ: Hạn chế mỡ, trứng và phụ tạng động vật.|Hai mắt rối loạn điều tiết/ Lão thị: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.|Bệnh lý răng: Điều trị bệnh răng.|

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA YECXANH
GIÁM ĐỐC CHUYÊN MÔN

BSCKII. PHẠM THỊ HIỀN

